

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TXD23B**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD04292**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Trát láng**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2355802014736	Hồ Bảo	Duy	18/01/2008				8	7.0	6.5	7.0		7.0		7.0
2	2355802014739	Nguyễn Thiên	Đạt	16/06/2007				8	8.0	8.5	9.0		8.5		8.5
3	2355802014743	Phạm Thanh Hùng	Em	06/08/1982				7	7.0	6.5	7.0		6.5		6.6
4	2355802014746	Nguyễn Minh	Khang	14/09/2008				7	6.5	7.0	7.0		7.0		6.9
5	2355802014747	Ngô Quốc	Luân	05/05/2008				8	7.0	7.5	7.5		7.5		7.5
6	2355802014749	Cao Thành	Nghĩa	24/08/2008				7	6.5	7.0	7.0		7.0		6.9
7	2355802014751	Nguyễn Thành	Nghĩa	01/08/2004				8	8.0	7.0	7.5		8.0		7.8
8	2355802014752	Nguyễn Triệu Thành	Nhân	23/08/2008				8	7.5	7.5	7.0		7.5		7.5
9	2355802014753	Nguyễn Văn	Phú	28/11/2008				7	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3
10	2355802014754	Huỳnh Bảo	Phúc	12/11/2008				8	7.0	6.5	7.0		7.0		7.0
11	2355802014757	Nguyễn Phúc	Thịnh	15/12/2008				8	7.0	8.0	7.0		7.5		7.5
12	2355802014758	Trương Hòa	Thịnh	31/07/2008				8	7.0	7.0	7.0		7.0		7.1
13	2355802014759	Dương Văn	Thọ	10/03/1991				7	7.0	6.5	7.0		6.5		6.6
14	2355802014760	Nguyễn Phước	Thông	16/03/2008				7	6.5	7.0	7.0		7.0		6.9
15	2355802014761	Quách Tuấn	Thuận	21/10/2008				8	7.0	6.5	7.0		7.0		7.0
16	2355802014763	Nguyễn Hữu	Tĩnh	01/09/2008				8	7.0	7.0	8.0		7.0		7.2
17	2355802014765	Võ Trần Việt	Tuyển	11/06/2008				8	7.5	7.5	7.0		7.5		7.5
18	2355802014767	Nguyễn Quốc	Việt	18/03/2008				8	7.0	6.5	7.0		7.0		7.0
19	2355802014768	Nguyễn Trung	Vĩnh	13/10/2008				8	7.0	7.0	8.0		7.5		7.5

Châu Đốc, ngày 6 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Chí Hiếu